

Số: 261/2025/QĐST-HNGĐ

TP .T, ngày 20 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 318/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025. về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Như S, sinh năm: 1992;

- Chị Lê Thị H, sinh năm: 1996;

Cùng thường trú tại: Thôn P, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Cùng nơi ở hiện nay: Thôn V, phường H, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh S và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thành phố T, tỉnh T vào năm 2022. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã cố gắng nhưng mâu thuẫn ngày càng tăng. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay, anh S và chị H đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị H thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ

nên chấp nhận yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh S và chị H có 01 con chung là cháu Lê Như T, sinh ngày 07/8/2023. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên. Xét thấy việc thỏa thuận của anh, chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh S và chị H thỏa thuận anh S chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Như S và chị Lê Thị H.

- Về con chung: Anh Lê Như S và chị Lê Thị H có 01 con chung là cháu Lê Như T, sinh ngày 07/8/2023. Ly hôn, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên.

Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Như S chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0006843 ngày 21/4/2025, anh S đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP . T;
- Đường sự;
- Chi cục THADS TP . T;
- UBND P. H, TP. T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh